

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2018/DS-ST

Ngày 05 – 10 – 2018

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà **Trịnh Xuân Trúc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Hoàng Khởi**

Ông **Nguyễn Văn Chiến**

- Thư ký phiên toà: Bà **Ngô Thị Thắm** – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2018/TLST-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 608/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T** (có mặt)

Địa chỉ: Đường C, khóm 4, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông **Trương Thanh V** (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường P, khóm 1, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Trần Quốc Th**, sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường D, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ngày 15/7/2005 nguyên đơn có cho ông Trương Thanh V vay số tiền là 107.000.000đ, thỏa thuận không lãi, khi vay ông V có viết giấy thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng sẽ thanh toán, nhưng đến nay ông V vẫn chưa thanh toán. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông Trương Thanh V trả cho bà số tiền gốc vay là 107.000.000đ (một trăm lẻ bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/9/2018 Đại diện theo ủy quyền bị đơn là ông Trần Quốc Th trình bày: Ông V hiện vẫn thừa nhận có vay tiền của bà T nhưng ông V xác định chỉ vay số tiền là 100.700.000đ. Nay hoàn cảnh ông V đang khó khăn nên xin được trả 50.000.000đ nhưng thanh toán làm 2 đợt, thanh toán đợt 1 là 25.000.000đ vào ngày 28/9/2018; đợt 2 thanh toán số tiền là 25.000.000đ còn lại vào ngày 26/11/2018.

Đối với ông Trương Thanh V và người đại diện theo ủy quyền của ông V là ông Trần Quốc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, song phía bị đơn, đại diện bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ xét xử lần thứ nhất nhưng đại diện bị đơn xin hoãn phiên Tòa để được thỏa thuận, T lượng lại với nguyên đơn nhưng việc thỏa thuận không thành, Tòa án đã tiếp tục triệu tập đương sự lại nhiều lần để tham gia xét xử nhưng bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch của các bên là có diễn ra trong thực tế. Hiện các đương sự đã thừa nhận, tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 26/9/2018 đại diện theo ủy quyền của ông Trương Thanh V là ông Trần Quốc Th cho rằng ông V chỉ có vay số tiền là 100.700.000đ, không phải là số tiền 107.000.000đ như bà T đã yêu cầu. Tại phiên Tòa bà T xác định thực chất ông V đã vay của bà số tiền là 107.000.000đ nhưng khi viết biên nhận ông V đã viết nhầm lẫn, nay đại diện ông V chỉ thống nhất số tiền 100.700.000đ thì bà thống nhất chỉ yêu cầu thanh toán theo đúng số tiền của đại diện ông Trương Thanh V đã thừa nhận và không yêu cầu phải thanh toán lãi. Xét thấy tự nguyện của bà T là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của ông V xin bà T giảm số tiền phải trả, chỉ đồng ý trả số tiền 50.000.000đ. Tại phiên Tòa bà T xác định trước đây bà T cũng thống nhất giảm nợ cho ông V, chỉ yêu cầu trả số tiền 50.000.000đ nhưng với điều kiện ông V phải thanh toán cho bà trước số tiền 25.000.000đ vào ngày 28/9/2018 và số còn lại vào ngày 26/11/2018 nhưng đến thời điểm này ông V cũng không thanh toán được số tiền thỏa thuận đợt 1 nên bà không thống nhất giảm nợ. Xét thấy thỏa thuận của các đương sự đã không được ông V thực hiện nên tại phiên tòa bà T xác định không chấp nhận giảm nợ nên yêu cầu của ông V là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về thời gian thanh toán, nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận được nên việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí, theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu, đã nộp tiền tạm ứng án phí được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T. Buộc ông Trương Thanh V thanh toán cho bà Phạm Thị T số tiền là 100.700.000đ (Một trăm triệu, bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trương Thanh V không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Trương Thanh V phải nộp là 5.035.000 đồng (chưa nộp). Bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp vào ngày 03/7/2018 là 2.675.000 đồng theo biên lai số 0000997khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông V và người đại diện theo ủy quyền có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trịnh Xuân Trúc

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Hội thẩm nhân dân

Nguyễn Văn Chiến

Trịnh Xuân Trúc

Huỳnh Hoàng Khởi

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 05 tháng 10 năm 2018.

Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Trịnh Xuân Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 215/2018/TLST- DS ngày 03 tháng 7 năm 2018, về việc tranh chấp hợp đồng vay, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị T**

Địa chỉ: Số 183 đường Phan Bội Châu, khóm 4, phường 7, Tp. Cà Mau.

Bị đơn: Ông **Trương Thanh V**

Địa chỉ: Số 78/37 Phạm Hồng Thám, khóm 1, phường 4, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Trần Quốc Th**, sinh năm: 1966

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T. Buộc ông Trương Thanh V thanh toán cho bà Phạm Thị T số tiền là 100.700.000đ (Một trăm triệu, bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trương Thanh V không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Trương Thanh V phải nộp là 5.035.000 đồng (chưa nộp). Bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp vào ngày 03/7/2018 là 2.675.000 đồng theo biên lai số 0000997khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông V và người đại diện theo ủy quyền có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Trúc